



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

BẢN SAO

CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
cho năm tài chính 2011

NGÀY: 26-09-2013

9018 01

SỐ CHỨNG THỰC..... QUYỀN SỞ..... SCT/RS



PHÓ CHỦ TỊCH

Lý Thị Kim Dung

CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2011

CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G10 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 553 9505 Fax: (84-4) 3 553 9505

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 20

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tôi Đỗ Thanh Thế - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà trình bày Báo cáo của Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103036142 ngày 30 tháng 3 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 01 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103036142 thay đổi lần thứ 01 ngày 18/11/2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là **150.000.000.000** đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại khoáng sản: than, sắt, mangan, nhôm, cromit, chì, kẽm, thiếc, đồng, niken, molipden, titan, zircon, vonfram, antimony, kali, vật liệu xây dựng, khoáng chất công nghiệp, muối mỏ, đá quý, kim cương, đá bán quý, đá mỹ nghệ và các khoáng sản khác nằm trong vùng mỏ;
- Sản xuất, mua bán than cốc, gang, thép, kim loại màu, kim loại quý, kim loại hiếm, vật liệu xây dựng, khoáng chất công nghiệp, phân bón, muối;
- Xây dựng mỏ và các công trình liên quan với khai thác, chế biến khoáng sản;
- Tư vấn đầu tư trong lĩnh vực thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng cho thuê lại;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật: khảo sát xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Tư vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tư vấn đánh giá chất lượng công trình; Sản xuất điện; Truyền tải và phân phối điện; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê, các công trình thể thao ngoài trời;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử; Thăm dò vàng gốc, vàng sa khoáng, nước ngầm; Khai thác vàng gốc, vàng sa khoáng; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn vàng, bạc (trừ vàng tiêu chuẩn quốc tế);
- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng tiêu chuẩn quốc tế);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Địa chỉ: Nhà G10 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 553 9505 Fax: (84-4) 3 553 9505

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Tôn	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Lan	Phó chủ tịch
Ông Phạm Đức Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Thanh Thế	Tổng giám đốc
------------------	---------------

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN SÔNG ĐÀ



Dỗ Thanh Thế

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2012

28-C
TY
HỮU
ĐỊNH
NAM
TP.



Số: 771-12/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 20 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Do việc bổ nhiệm Kiểm toán viên diễn ra sau thời điểm 31/12/2011 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt của Công ty tại thời điểm nêu trên. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đúng đắn của số lượng tiền mặt tại thời điểm nêu trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.
- Công ty chưa kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ với giá trị 1.737.016.678 đồng để xác định kết quả kinh doanh mà đang treo lại trên Tài khoản 242 - Chi phí trả trước dài hạn và giá trị lũy kế đến 31/12/2011 là 4.230.650.520 đồng là chưa phù hợp với quy định của chế độ kế toán hiện hành. Bất kỳ sự điều chỉnh nào về vấn đề nêu trên đều ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2011:

a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103036142 thay đổi lần thứ 01 ngày 18/11/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2011, số vốn góp thực tế của các cổ đông Công ty là 67.476.000.000 đồng. Số vốn góp thiếu là 82.524.000.000 đồng.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1410/KTV

101202
CÔNG
TRÁCH NHIỆ
KIỂM TOÁN V
VIỆT
GIẤY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.029.742.559	5.470.152.017
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.611.547.746	2.910.407.376
1 Tiền	111	V.1.	1.611.547.746	2.910.407.376
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.361.569	2.325.714.948
1 Phải thu của khách hàng	131		-	-
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.1	137.115.000	137.115.000
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	16.246.569	2.188.599.948
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		999.231.657	70.000.000
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	999.231.657	70.000.000
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		265.601.587	164.029.693
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.867.471	39.107.709
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8.	14.226.486	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.2	180.507.630	124.921.984
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		68.073.038.832	60.144.457.431
I Các khoản phải thu dài hạn	210		39.799.850.000	39.799.850.000
4 Phải thu dài hạn khác	218	V.4.	39.799.850.000	39.799.850.000
II Tài sản cố định	220		791.547.755	999.983.032
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	791.547.755	999.983.032
- Nguyên giá	222		1.307.635.008	1.296.735.008
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(516.087.253)	(296.751.976)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6.	22.900.000.000	16.500.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.900.000.000	16.500.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		4.581.641.077	2.844.624.399
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	4.581.641.077	2.844.624.399
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		71.102.781.391	65.614.609.448

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.626.781.391	1.263.609.448
I Nợ ngắn hạn	310		3.626.781.391	1.263.609.448
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312		-	-
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.3	2.000.000.000	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8.	-	1.334.666
5 Phải trả người lao động	315		554.971.244	223.938.909
6 Chi phí phải trả	316		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.9.	1.071.810.147	1.038.335.873
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II Nợ dài hạn	330		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		67.476.000.000	64.351.000.000
I Vốn chủ sở hữu	410	V.10.	67.476.000.000	64.351.000.000
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		67.476.000.000	64.351.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		71.102.781.391	65.614.609.448

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2012

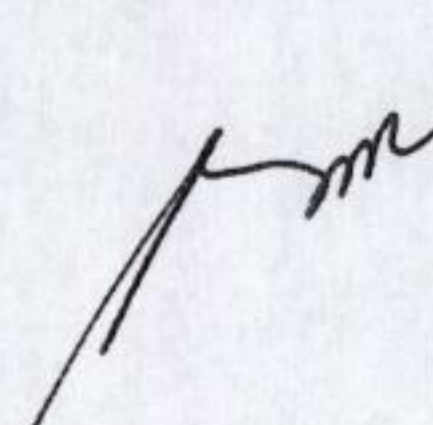
CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN SÔNG ĐÀ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Đức Duyên


Nguyễn Hải Sơn


Đỗ Thanh Thế



Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4 Giá vốn hàng bán	11		-	-
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.11.	3.490.631	292.281.035
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.4	3.490.631	292.260.882
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		-	20.153
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32	VIII.2.5	-	20.153
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	(20.153)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		-	-
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.12.	-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		-	-
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13.	-	-

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2012

CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN SÔNG ĐÀ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Duyên

Nguyễn Hải Sơn

Đỗ Thanh Thế



010
C
TRÁCH
KIỂM T
VI
TƯ G

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.250.000.000	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(655.569.951)	(212.410.142)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(789.336.095)	(1.009.976.471)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.190.388.698	1.047.559.120
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.011.932.913)	(44.392.247.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.983.549.739	(44.567.074.863)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.900.000)	(71.275.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.400.000.000)	(16.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.490.631	292.281.035
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.407.409.369)	(16.278.993.965)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.125.000.000	53.631.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.125.000.000	53.631.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.298.859.630)	(7.215.068.828)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.910.407.376	10.125.476.204
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1.	1.611.547.746	2.910.407.376

Người lập

Nguyễn Đức Duyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Sơn

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2012

CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN SÔNG ĐÀ

Tổng Giám đốc



Đỗ Thanh Thế

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103036142 ngày 30 tháng 3 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 01 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103036142 thay đổi lần thứ 01 ngày 18/11/2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là **150.000.000.000** đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, xây dựng, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại khoáng sản: than, sắt, mangan, nhôm, cromit, chì, kẽm, thiếc, đồng, niken, molipden, titan, zircon, vonfram, antimony, kali, vật liệu xây dựng, khoáng chất công nghiệp, muối mỏ, đá quý, kim cương, đá bán quý, đá mỹ nghệ và các khoáng sản khác nằm trong vùng mỏ;
- Sản xuất, mua bán than cốc, gang, thép, kim loại màu, kim loại quý, kim loại hiếm, vật liệu xây dựng, khoáng chất công nghiệp, phân bón, muối;
- Xây dựng mỏ và các công trình liên quan với khai thác, chế biến khoáng sản;
- Tư vấn đầu tư trong lĩnh vực thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng cho thuê lại;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật: khảo sát xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Tư vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tư vấn đánh giá chất lượng công trình; Sản xuất điện; Truyền tải và phân phối điện; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê, các công trình thể thao ngoài trời;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử; Thăm dò vàng gốc, vàng sa khoáng, nước ngầm; Khai thác vàng gốc, vàng sa khoáng; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn vàng, bạc (trừ vàng tiêu chuẩn quốc tế);
- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng tiêu chuẩn quốc tế);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Địa chỉ: Nhà G10 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 553 9505 Fax: (84-4) 3 553 9505

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2011, Công ty chủ yếu tập trung đầu tư cho hai công ty liên kết để xây dựng Nhà máy Ferocom Thanh Hóa và Đề án thăm dò mỏ Graphite Bảo Hà - Lào Cai, đồng thời góp vốn vào Dự án Chung cư Phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang ở giai đoạn đầu tư các dự án nên chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí quản lý Dự án của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Song Da Accounting System.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2003/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

06

Thiết bị, dụng cụ quản lý

05

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư theo hợp đồng và phiếu chi, phiếu chuyển tiền.

Tại thời điểm 31/12/2011 Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước là khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được treo lại để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong các kỳ sau và chi phí làm thủ tục đầu tư và thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Thanh Hóa.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

8. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**8.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

8.2 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	1.603.956.289	2.586.718.655
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	7.591.457	323.688.721
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tây Hà Nội	1.117.500	1.073.100
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy	3.052.559	18.573.294
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hà Nội	3.421.398	304.042.327
Cộng	1.611.547.746	2.910.407.376
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	12.504.567	2.187.000.000
Phải thu tiền thuê Văn phòng	-	177.000.000
Phải thu Nguyễn Hữu Huệ - tiền thẩm định nhà máy	10.000.000	10.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà - Cho vay không lãi suất(*)	-	2.000.000.000
Phải thu BHXH, BHYT CNV	2.504.567	-
BHXH nộp thừa	3.742.002	1.332.768
BHYT nộp thừa	-	267.180
Tổng cộng	16.246.569	2.188.599.948

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

3.	Hàng tồn kho	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND		
	Chi phí Dự án Khu đô thị Sông Đà Diamond Island tại Ấp Doi, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	70.000.000	70.000.000		
	Chi phí thăm dò mỏ Graphit Bảo Hà - Lào Cai	929.231.657	-		
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	999.231.657	70.000.000		
4.	Phải thu dài hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND		
	Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà - tiền hợp tác đầu tư vào dự án Khu căn hộ tại phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	39.799.850.000	39.799.850.000		
	Tổng cộng	39.799.850.000	39.799.850.000		
5.	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		Đơn vị tính: VND		
	Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
	Nguyên giá				
	Số dư ngày 01/01/2011	1.216.702.000	80.033.008	1.296.735.008	
	Mua trong năm	-	10.900.000	10.900.000	
	Tăng khác	-	-	-	
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	
	Số dư ngày 31/12/2011	1.216.702.000	90.933.008	1.307.635.008	
	Giá trị hao mòn lũy kế				
	Số dư ngày 01/01/2011	287.276.863	9.475.113	296.751.976	
	Khấu hao trong năm	202.783.668	16.551.609	219.335.277	
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	
	Giảm khác	-	-	-	
	Số dư ngày 31/12/2011	490.060.531	26.026.722	516.087.253	
	Giá trị còn lại				
	Tại ngày 01/01/2011	929.425.137	70.557.895	999.983.032	
	Tại ngày 31/12/2011	726.641.469	64.906.286	791.547.755	
6.	Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2011	01/01/2011		
		Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
	Đầu tư vào công ty liên kết	2.290.000	22.900.000.000	1.650.000	16.500.000.000
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Thanh Hóa (1)	2.090.000	20.900.000.000	1.450.000	14.500.000.000
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

(1): Trong kỳ, Công ty tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Thanh Hóa. Theo đó số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà tăng cụ thể:

	Tăng
+ Về số lượng:	640.000
+ Về giá trị	6.400.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại 31/12/2011 như sau:

Tên Công ty liên kết	Vốn điều lệ (VND)	Vốn góp theo cam kết (VND)	Tỷ lệ phần sở hữu	
			Theo cam kết	Theo thực tế
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Thanh Hóa	100.000.000.000	35.000.000.000	35,00%	87,08%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai	50.000.000.000	20.000.000.000	40,00%	71,43%

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí quản lý chưa phân bổ	4.230.650.520	2.493.633.842
Chi phí làm thủ tục đầu tư và thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Thanh Hóa	350.990.557	350.990.557
Tổng cộng	4.581.641.077	2.844.624.399

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2011
Thuế thu nhập cá nhân	1.334.666	29.181.761	44.742.913	(14.226.486)
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-	14.226.486
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.334.666	-	-	-

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	51.028.566	32.581.852
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.019.653.482	1.005.754.021
Phải trả tiền vay không lãi Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai	-	1.000.000.000
Phải trả tiền vay không lãi Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển hạ tầng KCN Phúc Hà	1.000.000.000	-
Phải trả tiền ủng hộ Nhật Bản	3.000.068	-
Phải trả tiền thuế TNCN	16.653.414	5.754.021
Bảo hiểm y tế	1.128.099	-
Tổng cộng	1.071.810.147	1.038.335.873

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	10.720.000.000	-	10.720.000.000
Tăng vốn trong năm trước	53.631.000.000	-	10.720.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2010	64.351.000.000	-	64.351.000.000
Tăng vốn trong năm nay	3.125.000.000	-	3.125.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2011	67.476.000.000	-	67.476.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tổng Công ty Sông Đà	34.400.000.000	31.400.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	24.000.000.000	24.000.000.000
Ông Đỗ Thanh Thế	15.000.000	15.000.000
Tạ Thị Sùng	2.050.000.000	2.050.000.000
Đối tượng khác	7.011.000.000	6.886.000.000
Cộng	67.476.000.000	64.351.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	67.476.000.000	64.351.000.000
Vốn góp đầu năm	64.351.000.000	10.720.000.000
Vốn góp tăng trong năm	3.125.000.000	53.631.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	67.476.000.000	64.351.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

đ) Cổ phiếu

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.747.600	6.435.100
- Cổ phiếu phổ thông	6.747.600	6.435.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.747.600	6.435.100
- Cổ phiếu phổ thông	6.747.600	6.435.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

11. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.490.631	292.281.035
Tổng cộng	3.490.631	292.281.035
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.490.631	292.281.035
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.490.631	292.281.035
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Số thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	-	-
13. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.895.904	127.835.974
Chi phí nhân công	963.939.852	1.178.716.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.335.277	210.666.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.391.438	31.509.770
Chi phí khác bằng tiền	151.990.293	258.228.402
Tổng cộng	1.709.552.764	1.806.957.151
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.729.801	4.751.729
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<i>Các khoản vay</i>			
Vay tiền của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai		-	1.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

1.1 Thu nhập Tổng giám đốc được hưởng trong năm		Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lương		254.837.500	270.031.000
Tổng cộng		254.837.500	270.031.000
1.2 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải trả			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai	Công ty liên kết	2.000.000.000	-
Các khoản vay			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai	Công ty liên kết	-	1.000.000.000
2. Những thông tin khác			
2.1 Trả trước cho người bán		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trung tâm KH&CN Kim Loại - HKHKTĐLK Việt Nam		100.000.000	100.000.000
Đoàn mỏ địa chất Thanh Hoá		37.115.000	37.115.000
Tổng cộng		137.115.000	137.115.000
2.2 Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng		180.507.630	124.921.984
Nguyễn Thị Thuý		18.181.469	20.067.593
Đỗ Văn Vinh		29.831.000	31.231.000
Lê Đức Toàn		27.572.061	36.343.391
Đỗ Xuân Hưng		-	6.280.000
Nguyễn Đức Duyên		13.648.000	30.000.000
Đỗ Ngọc Hân		25.595.100	1.000.000
Nguyễn Hoài Sơn		10.000.000	-
Nguyễn Đình Giám		28.550.000	-
Nguyễn Văn Hào		15.000.000	-
Bùi Đức Toàn		9.130.000	-
Phạm Duy Khoa		3.000.000	-
Tổng cộng		180.507.630	124.921.984
2.3 Người mua trả tiền trước		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Đà Lào Cai		2.000.000.000	-
Tổng cộng		2.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011
(tiếp theo)

2.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí bằng tiền khác	3.490.631	292.260.882
Tổng cộng	3.490.631	292.260.882

2.5 Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm, thuế	-	20.153
Tổng cộng	-	20.153

2.6 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2012

CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN SÔNG ĐÀ

Người lập

Nguyễn Đức Duyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Sơn

Tổng Giám đốc

Đỗ Thanh Thế

